

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DẠY NGHỀ BÁCH KHOA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DẠY NGHỀ BÁCH KHOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502511412

**3. Ngày thành lập:** 24/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 5, Khu phố Vạn Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0912957216

Fax:

Email: [daynghedienlanhbachkhoa@gmail.com](mailto:daynghedienlanhbachkhoa@gmail.com) Website: [ail.com](http://ail.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                        | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điều hòa, điện máy, điện lạnh, thiết bị hệ thống PCCC, kho lạnh, máy lạnh                                                                                                                       | 4329(Chính) |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                               | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Hoạt động xây dựng kết cấu công trình                                                                                                                                                                       | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.                                                                                                                                                               | 4649        |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn nguyên vật liệu, vật tư phụ tùng ngành điện - điện lạnh. | 4659        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:- Bán buôn vật liệu xây dựng như: Đá, cát, sỏi...; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn                                                                                                  | 4663        |
| 9.  | Đào tạo sơ cấp<br>(Trình độ sơ cấp nghề)                                                                                                                                                                                                                     | 8531        |
| 10. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động đào tạo dạy nghề điện, điện lạnh và nghề hàn công nghệ cao                                                                                                                                       | 8559        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>Chi tiết: Sửa chữa hàng điện lạnh                                                                                                                                                                                | 9522 |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn, giám sát, thiết kế, thi công hệ thống điện dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Lập dự án đầu tư. Quản lý dự án xây dựng công trình. | 7110 |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động thiết kế và thi công nội thất                                                                                                                                                                     | 7410 |
| 14. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                          | 2511 |
| 15. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                        | 2591 |
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công các sản phẩm bằng kim loại màu, bằng kim loại đen                                                                                                                                    | 2592 |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                             | 5210 |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng                                                                                                  | 7730 |
| 19. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                           | 3100 |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa điện công nghiệp                                                                                                                                                                                       | 3312 |
| 21. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                  | 3314 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                  | 3319 |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                       | 4101 |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                 | 4102 |
| 25. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                            | 4212 |
| 26. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                | 4221 |
| 27. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                     | 4222 |
| 28. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                      | 4223 |
| 29. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công cộng                                                                                                                                                                            | 4229 |
| 30. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, Thi công xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng công cộng, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi; hệ thống phòng cháy chữa cháy                                            | 4299 |
| 31. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                   | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ HỒNG KIÊN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/04/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019073001636

Ngày cấp: 22/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Hữu, Xã Long Phước, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Phước Hữu, Xã Long Phước, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐỖ HỒNG KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/04/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019073001636

Ngày cấp: 22/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật  
Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Hữu, Xã Long Phước, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Phước Hữu, Xã Long Phước, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa -  
Vũng Tàu, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu